TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái, ông Lê Khắc Thu.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Ngọc P, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/7/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng V trình bày:

Chị Lê Thị Hồng V và anh Ngô Ngọc P có thời gian quen biết, tìm hiểu thương yêu nhau, tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống từ đó thường xuyên cải mắng, xúc phạm nhau. Anh P không chịu khó làm ăn, chỉ ham chơi bời, nhậu nhẹt, thiếu quan tâm chăm sóc tới vợ con. Bởi vậy, từ tháng 6/2017 đến nay, chị V anh P sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị Lê Thị Hồng V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ngô Ngọc P.

Về con chung: Chị Lê Thị Hồng V trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Ngô Ngọc Tuệ N, sinh ngày 02/12/2014.

Khi ly hôn chị V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Lê Thị Hồng V đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao trích lục khai sinh cháu Ngô Ngọc Tuệ N; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh P và chị V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Ngô Ngọc P nhưng trong thời hạn luật định anh P không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2019, chính quyền địa phương và gia đình (ông Ngô Ngọc Đ là cha ruột của anh P) cho biết gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo, giao lại cho anh P gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên do bận công việc làm ăn nên anh P không đến Tòa án được.

Tại phiên tòa ngày 08/10/2019, anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 16/10/2019, đồng thời thực hiện tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Ngô Ngọc P là hợp lệ nhưng anh P đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng V và anh Ngô Ngọc P sau thời gian tìm hiểu, thương yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/02/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung giữa chị V và anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn có cuộc sống chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã thông báo các phiên họp, các phiên hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng; trong khi nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị V và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị V và anh P có 01 người con chung là cháu Ngô Ngọc Tuệ N, sinh ngày 02/12/2014. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu N còn nhỏ và sau khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Do đó, cần giao cháu Ngô Ngọc Tuệ N cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đúng quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị V rõ các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị V trình bày đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng V. Chị Lê Thị Hồng V được ly hôn anh Ngô Ngọc P.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc Tuệ N, sinh ngày: 02/12/2014 cho chị Lê Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Ngô Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Ngọc P có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

Chị Lê Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/006614 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Sang